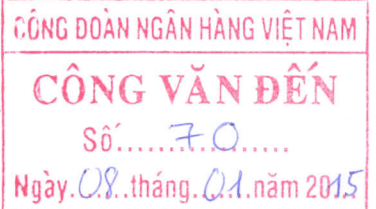


Số: 48/2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

**Quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**



Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 25/2013/QĐ-TTg ngày 4 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) bao gồm phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức khác và cá nhân.

2. Việc cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi, Luật phòng, chống rửa tiền được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi và pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Cán bộ, công chức, viên chức, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư này.

Chương II

PHÁT NGÔN VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO BÁO CHÍ

Điều 3. Nội dung thông tin phát ngôn và cung cấp cho báo chí

1. Chủ trương, chính sách, pháp luật về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối (sau đây gọi là tiền tệ và ngân hàng).
2. Quyết định điều hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là Thống đốc) về tiền tệ và ngân hàng.
3. Tình hình diễn biến về tiền tệ và ngân hàng.
4. Thông báo liên quan đến việc thành lập, mua, bán, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, phá sản, giải thể, thu hồi giấy phép, chấp thuận mở rộng mạng lưới tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 4. Người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

1. Người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Ngân hàng Nhà nước gồm:

- a) Thống đốc;
- b) Phó Thống đốc phụ trách công tác thông tin tuyên truyền của Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là Người phát ngôn);
- c) Người được Thống đốc ủy quyền phát ngôn trong từng trường hợp cụ thể (sau đây gọi là Người được ủy quyền phát ngôn).

2. Cán bộ, công chức, viên chức của Ngân hàng Nhà nước không được nhân danh Ngân hàng Nhà nước để phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí nếu không được Thống đốc giao nhiệm vụ; không được tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật điều tra, bí mật công vụ, thông tin sai sự thật và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã cung cấp.

Điều 5. Hình thức cung cấp thông tin định kỳ

1. Cung cấp thông tin trên Trang tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước (Website Ngân hàng Nhà nước).

Nội dung thông tin, định kỳ và thời hạn cung cấp thông tin trên Website Ngân hàng Nhà nước được quy định tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này.

Quy trình cập nhật, đăng tải, quản lý thông tin trên Website Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

2. Tổ chức họp báo ít nhất 3 tháng một lần để cung cấp thông tin định kỳ cho báo chí.

3. Cung cấp thông tin cho báo chí bằng văn bản hoặc thông tin trực tiếp tại cuộc họp báo của Chính phủ, họp giao ban hàng tuần do Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông và Hội nhà báo Việt Nam tổ chức.

4. Cung cấp thông tin cho Cổng thông tin điện tử của Chính phủ theo quy định hiện hành.

Điều 6. Phát ngôn và cung cấp thông tin trong trường hợp đột xuất, bất thường

1. Người phát ngôn hoặc Người được ủy quyền phát ngôn có trách nhiệm phát ngôn và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho báo chí trong các trường hợp đột xuất, bất thường sau:

a) Khi thấy cần thiết phải thông tin trên báo chí về các sự kiện, vấn đề quan trọng thuộc lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng nhằm cảnh báo hoặc định hướng dư luận;

b) Khi cơ quan báo chí hoặc cơ quan chỉ đạo, quản lý nhà nước về báo chí có yêu cầu phát ngôn hoặc cung cấp thông tin về các sự kiện, vấn đề của Ngân hàng Nhà nước, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước đã được nêu trên báo chí hoặc về các sự kiện, vấn đề nêu tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Khi có căn cứ cho rằng báo chí đăng tải thông tin chưa chính xác, sai sự thật về lĩnh vực do Ngân hàng Nhà nước quản lý, Thống đốc, Người phát ngôn hoặc Người được ủy quyền phát ngôn yêu cầu cơ quan báo chí đó phải đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trả lời phỏng vấn báo chí

Thống đốc, Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn có quyền nhân danh Ngân hàng Nhà nước trả lời phỏng vấn báo chí trong phạm vi, thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này. Trường hợp trả lời bằng văn bản, nội dung phải được Thống đốc duyệt trước khi trả lời.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của đơn vị, cá nhân thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thống đốc về các thông tin do mình phát ngôn và cung cấp cho báo chí quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư này.

2. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn có quyền yêu cầu các đơn vị, cá nhân liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin, tập hợp thông tin để phát ngôn, cung cấp thông tin định kỳ, đột xuất cho báo chí theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư này.

3. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn có quyền từ chối trả lời câu hỏi của phóng viên trong các trường hợp sau:

a) Những vấn đề thuộc bí mật nhà nước; những vấn đề bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng; những vấn đề không thuộc quyền hạn công bố;

b) Các vụ án đang được điều tra hoặc chưa xét xử, trừ trường hợp các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan điều tra có yêu cầu cần thông tin trên báo chí những vấn đề có lợi cho hoạt động điều tra và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm;

c) Các vụ việc đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; những vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn giữa các cơ quan, đơn vị nhà nước đang trong quá trình giải quyết, chưa có kết luận chính thức của người có thẩm quyền mà theo quy định không được công bố thông tin cho báo chí;

d) Những văn bản chính sách, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của pháp luật chưa được cấp có thẩm quyền cho phép phổ biến.

4. Văn phòng có trách nhiệm:

a) Làm đầu mối theo dõi việc thực hiện quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Ngân hàng Nhà nước;

b) Công bố họ tên, chức vụ, số điện thoại và địa chỉ e-mail của Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn theo quy định của pháp luật;

c) Làm đầu mối tổ chức các cuộc họp báo của Ngân hàng Nhà nước, hội nghị giao ban báo chí ngành Ngân hàng theo chỉ đạo của Thống đốc; đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị nội dung, trình Thống đốc hoặc Người phát ngôn phê duyệt để cung cấp cho báo chí tại cuộc họp báo của Chính phủ, cuộc giao ban hàng tuần do Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông và Hội nhà báo Việt Nam tổ chức;

d) Thu thập thông tin từ báo chí và các nguồn thông tin khác liên quan đến tiền tệ và ngân hàng, trình Thống đốc hoặc Người phát ngôn xử lý;

đ) Làm đầu mối tổng hợp, trình Thống đốc hoặc Người phát ngôn xử lý việc các phương tiện thông tin tuyên truyền đăng tải thông tin nhạy cảm, chưa chính xác, sai sự thật về tiền tệ và ngân hàng;

e) Phối hợp với Thủ trưởng đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước giúp Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn thực hiện việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định tại Thông tư này.

5. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan theo quy định tại Thông tư này và chỉ đạo của Thống đốc để phục vụ việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí thuộc thẩm quyền trên địa bàn. Trường hợp phát sinh những vấn đề vượt thẩm quyền, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kịp thời báo cáo Thống đốc (qua Văn phòng) để xử lý.

Chương III

CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CƠ QUAN, TỔ CHỨC KHÁC, CÁ NHÂN

Điều 9. Đối tượng được cung cấp thông tin

1. Cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật hoặc theo quy chế phối hợp công tác giữa Ngân hàng Nhà nước với các cơ quan này.

2. Các tổ chức quốc tế mà Chính phủ Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước có cam kết cung cấp thông tin, Chính phủ các nước theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết.

3. Tổ chức khác, cá nhân theo quyết định của Thống đốc.

Điều 10. Phạm vi thông tin cung cấp

Phạm vi thông tin cung cấp là các thông tin về tiền tệ và ngân hàng thuộc thẩm quyền quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 11. Thẩm quyền cung cấp thông tin

1. Thống đốc là người có thẩm quyền quyết định cung cấp các thông tin về tiền tệ và ngân hàng cho các đối tượng quy định tại Điều 9 Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này.

2. Trong từng trường hợp cụ thể, Thống đốc ủy quyền cho các Phó Thống đốc quyết định việc cung cấp thông tin cho các đối tượng quy định tại Điều 9 Thông tư này trong phạm vi lĩnh vực Phó Thống đốc phụ trách, quản lý hoặc theo chỉ đạo của Thống đốc.

3. Thủ trưởng đơn vị tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin cho các đối tượng quy định tại Điều 9 Thông tư này theo chỉ đạo hoặc ủy quyền của Thống đốc, Phó Thống đốc phụ trách.

4. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Quyết định việc cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Cung cấp thông tin cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tổ chức khác và cá nhân trên địa bàn theo chỉ đạo của Thống đốc.

Điều 12. Hình thức cung cấp thông tin

1. Cung cấp thông tin trong trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư này:

a) Thống đốc, Phó Thống đốc quyết định hình thức cung cấp thông tin và giao cho một đơn vị làm đầu mối cung cấp thông tin;

b) Đơn vị đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị nội dung, trình Thống đốc, Phó Thống đốc duyệt để gửi đối tượng được cung cấp thông tin.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước quyết định hình thức cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền được giao tại khoản 3, khoản 4 Điều 11 Thông tư này.

Điều 13. Trách nhiệm của đơn vị, cá nhân có liên quan

1. Cán bộ, công chức, viên chức, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được giao cung cấp thông tin, làm đầu mối cung cấp thông tin chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thống đốc về thông tin đã cung cấp.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin có trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo đảm bí mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Cung cấp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước

Việc cung cấp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm báo cáo

Hằng năm, các đơn vị thực hiện hoạt động cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư này có trách nhiệm gửi báo cáo cho Văn phòng trước ngày 20 tháng 12 để tổng hợp, trình Thống đốc.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ~~15/02~~ 15/02/2015 và thay thế Thông tư số 35/2011/TT-NHNN ngày 11/11/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc công bố và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước và Thông tư số 18/2012/TT-NHNN ngày 28/5/2012 sửa đổi thời hạn công bố một số thông tin quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-NHNN ngày 11/11/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc công bố và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng làm đầu mối hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Văn phòng phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án hỗ trợ kinh phí cho Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn, trình Thống đốc xem xét, quyết định.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này. *m*

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 17;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (2 bản);
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu VP, PC. *m*



Nguyễn Thị Hồng

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC

CÁC THÔNG TIN VỀ TIỀN TỆ VÀ NGÂN HÀNG CUNG CẤP TRÊN WEBSITE NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 48 /2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mối cấp nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
I	Chủ trương, chính sách pháp luật về tiền tệ và ngân hàng			
1	Nội dung văn bản	Văn phòng	Khi phát sinh	Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
2	Thông cáo báo chí	Đơn vị soạn thảo văn bản QPPL	Khi phát sinh	
II	Quyết định điều hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tiền tệ và ngân hàng			
1	Chủ trương, định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước về tiền tệ và ngân hàng	Văn phòng	6 tháng, năm hoặc khi có điều chỉnh, thay đổi	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
2	Các mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định	Vụ Chính sách tiền tệ	Khi thay đổi	
3	Tỷ giá bình quân liên ngân hàng	Vụ Chính sách tiền tệ	Hàng ngày	9h ngày hiệu lực
4	Quyết định điều hành khác của Thống đốc về tiền tệ và ngân hàng	Đơn vị soạn thảo văn bản	Khi phát sinh	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
III	Thông báo liên quan đến thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng			
1	Thành lập, mua, bán, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, phá sản, giải thể, thu hồi giấy phép tổ chức	Văn phòng	Khi phát sinh	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi ban hành

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mối cấp nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
	tín dụng			quyết định
2	Chấp thuận mở rộng mạng lưới của tổ chức tín dụng	Văn phòng	Khi phát sinh	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
IV	Tình hình diễn biến tiền tệ và hoạt động ngân hàng			
1	Diễn biến lãi suất huy động và cho vay VND, ngoại tệ của tổ chức tín dụng đối với khách hàng	Vụ Chính sách tiền tệ	Hàng tuần	Ngày làm việc thứ 2 của tuần sau
2	Diễn biến lãi suất bình quân trên thị trường liên ngân hàng	Sở Giao dịch	Hàng tuần	Ngày làm việc thứ 2 của tuần sau
3	Kết quả hoạt động của thị trường liên ngân hàng	Sở Giao dịch	Hàng ngày	9h ngày làm việc tiếp theo
4	Kết quả đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở	Sở giao dịch	Từng phiên	Ngày sau khi có kết quả đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở
5	Kết quả đấu thầu tín phiếu kho bạc	Sở giao dịch	Từng phiên	Ngày sau khi có kết quả đấu thầu tín phiếu kho bạc
6	Tỷ giá tính thuế xuất nhập khẩu	Vụ Chính sách tiền tệ	10 ngày/lần	9h ngày hiệu lực đầu tiên
7	Tỷ giá Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước	Sở giao dịch	Hàng ngày	Trước 10h ngày hiệu lực
8	Kết quả mua bán vàng miếng	Sở giao dịch	Khi phát sinh	Ngày sau khi có kết quả
9	Diễn biến thị trường ngoại tệ, vàng	Vụ Quản lý ngoại hối	Hàng tuần	Ngày làm việc thứ 2 của tuần sau
10	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của tổng phương tiện thanh toán	Vụ Dự báo Thống kê	Hàng tháng	Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mối cấp nhất	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
11	Tỷ trọng tiền mặt trong lưu thông trên tổng phương tiện thanh toán	Vụ Dự báo Thống kê	Hàng tháng	Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
12	Cán cân thanh toán quốc tế	Vụ Dự báo Thống kê	Hàng quý	Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
13	Tốc độ tăng trưởng và số dư tiền gửi của khách hàng tại tổ chức tín dụng (chỉ tiết theo tổ chức kinh tế và dân cư)	Vụ Dự báo Thống kê	Hàng tháng	Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
14	Tốc độ tăng trưởng và dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế (chỉ tiết theo ngành kinh tế)	Vụ Dự báo Thống kê	Hàng tháng	Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
15	Tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế	Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng	Hàng Quý	45 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
16	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của vốn điều lệ (chỉ tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
17	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của vốn tự có (chỉ tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
18	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của tổng tài sản có (chỉ tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
19	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (chỉ tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
20	Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động (chỉ tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Vụ Dự báo Thống kê	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mối cấp nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
21	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
22	Hệ số ROA - Lợi nhuận trên Tổng tài sản (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Quý I, II, III Cả năm	50 ngày kể từ ngày kết thúc quý báo cáo 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
23	Hệ số ROE - Lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Quý I, II, III Cả năm	50 ngày kể từ ngày kết thúc quý báo cáo 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
24	Số lượng giao dịch, giá trị giao dịch của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (phân theo tiêu hệ thống thanh toán giá trị cao và tiêu hệ thống thanh toán giá trị thấp)	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
25	Số lượng ATM, POS/EFTPOS/EDC; số lượng giao dịch và giá trị giao dịch qua ATM (phân theo loại giao dịch: rút tiền, chuyển khoản và các giao dịch khác), POS/EFTPOS/EDC (phân theo loại giao dịch: rút tiền và các giao dịch khác)	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
26	Số lượng thẻ ngân hàng đã phát hành (phân theo phạm vi và nguồn tài chính)	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
27	Số lượng giao dịch và giá trị giao dịch thanh toán nội địa được thực hiện bằng thẻ ngân hàng và các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt khác	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mối cấp nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
28	Tổng số lượng và tổng số dư tài khoản tiền gửi thanh toán	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
29	Danh sách các tổ chức không phải là ngân hàng cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Vụ Thanh toán	Khi có thay đổi	Trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi cấp giấy phép/văn bản chấp thuận
30	Kết quả điều tra thống kê trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng	Vụ Dự báo thống kê	Khi có kết quả điều tra	Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết quả điều tra được phê duyệt
31	Báo cáo phân tích, đánh giá về tình hình kinh tế vĩ mô, điều hành của Ngân hàng Nhà nước và diễn biến tiền tệ, ngân hàng.	Văn phòng	Hàng quý, 6 tháng, năm	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo

12

7 NAM